

Số: 330 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 16 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 10/3/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 10/3/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể, phát huy vai trò và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền trên địa bàn để tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình hành động số 11-CTr/TU.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, tích cực trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm thực chất, có hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

4. Có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thường xuyên, liên tục giữa các ngành các cấp, bám sát các nội dung và bảo đảm phù hợp với quan điểm chỉ đạo, mục tiêu đã đề ra trong Chương trình hành động số 11-CTr/TU.

5. Phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng của tỉnh, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (giai đoạn 2021 - 2030), góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải

và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu điện các năm theo Quy hoạch được phê duyệt, ưu tiên các địa bàn khu vực biên giới, cụ thể:

- + Năm 2025 công suất cực đại 1.215 MW.
- + Năm 2030 công suất cực đại 1.711 MW.
- + Năm 2035 công suất cực đại 2.100 MW.

6. Phát triển nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới hợp lý, phù hợp với tiềm năng địa phương, đề xuất Bộ Công Thương xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định đảm bảo tổng cung cấp năng lượng sơ cấp Quốc gia đạt mục tiêu khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045.

7. Xây dựng hệ thống lưới điện hiện đại, thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng.

8. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045.

9. Giảm phát thải khí thải gây hiệu ứng nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15% vào năm 2030 và lên mức 20% vào năm 2045 theo Nghị quyết số 55-NQ/TW.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ

Tập trung triển khai một số nội dung chính sau đây “*Có phụ lục chi tiết nhiệm vụ cụ thể kèm theo*”:

1. Tổ chức nghiên cứu đề xuất, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển bền vững lĩnh vực điện lực; Lập quy hoạch, kế hoạch, phương án phát triển hạ tầng lưới điện nhằm cấp điện kịp thời, ổn định, nâng cao chất lượng điện năng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ tiêu dùng dân cư, chú trọng cấp điện nông thôn.

2. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất việc phát triển các nguồn cung năng lượng sơ cấp theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hoá, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững, đảm bảo các yếu tố về môi trường. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất trong việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển nguồn năng lượng tái tạo, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng sạch (năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, điện rác...) trong điều kiện của tỉnh.

3. Thực hiện rà soát các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng đồng bộ với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Nghiên cứu đề xuất cơ chế khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội.

4. Thực hiện theo chỉ đạo, phối hợp, đề xuất Bộ, ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hóa phát triển năng lượng.

5. Triển khai phối hợp để thực hiện, đề xuất Bộ, ngành liên quan trong việc đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

6. Thực hiện các giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng để thực hiện có hiệu quả mục tiêu.

7. Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng.

8. Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển ngành năng lượng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công chủ trì các nhiệm vụ, chương trình, chủ động triển khai thực hiện theo quy định; tổ chức lập dự toán kinh phí (nếu có) báo cáo UBND tỉnh xem xét phê duyệt để thực hiện có hiệu quả đối với những nhiệm vụ được giao.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch; đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ được cân đối từ nguồn ngân sách chi thường xuyên theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn và các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện chương trình, dự án về phát triển năng lượng cũng như các nhiệm vụ liên quan để xây dựng công trình, phát triển công trình năng lượng hiệu quả.

5. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh (qua Sở Công Thương).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 10/3/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nghệ An;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công TT Điện tử tỉnh;
- Trưởng phòng CN;
- Lưu: VT, CN (T.Tr).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Hoa

PHỤ LỤC
NỘI DUNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
SỐ 11-CTr/TU NGÀY 10/3/2021 CỦA TỈNH ỦY

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 330/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|-----|--|----------------|--|--|--------------------------------|
| I | Nhiệm vụ 1: Tổ chức nghiên cứu đề đề xuất, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng thể chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển bền vững lĩnh vực điện lực; Lập quy hoạch, kế hoạch, phương án phát triển hạ tầng lưới điện nhằm cấp điện kịp thời, ổn định, nâng cao chất lượng điện năng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ tiêu dùng dân cư, chú trọng cấp điện nông thôn. | | | | |
| 1 | Rà soát, điều chỉnh, đề xuất bổ sung (nếu có) Quy hoạch Phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan. | Khi có đề xuất hoặc khi chưa phù hợp | Ngân sách tỉnh hoặc xã hội hoá |
| 2 | Rà soát quản lý vận hành, tham mưu phát triển các dự án nguồn điện bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định, đảm bảo về vấn đề môi trường và đáp ứng các yêu cầu khác. | | | | |
| 2.1 | Thực hiện quản lý vận hành hợp lý các nguồn thủy điện hiện có, đảm bảo yếu tố môi trường, an toàn công trình và hạ du, hiệu quả. Việc phát triển thủy điện cần nhắc kỹ ảnh hưởng đến môi trường, sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến dân sinh. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch & Đầu tư; Sở Tài nguyên & Môi trường; Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thành phố, thị xã liên quan. | Hàng năm và theo yêu cầu, nhiệm vụ được giao | Không |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|-----|---|--------------------------|---|--|------------------------------|
| 2.2 | Tham mưu việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, rác thải đô thị, đồng phát...) phù hợp với khả năng, tiềm năng của tỉnh, xem xét nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất bảo đảm an toàn hệ thống lưới điện. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch & Đầu tư; Sở Tài nguyên & Môi trường; Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã liên quan. | Thực hiện theo nhiệm vụ hoặc đề xuất tham mưu trong quá trình phát triển | Ngân sách tỉnh và xã hội hóa |
| 3 | Tham gia phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương khi có yêu cầu và nghiên cứu đề xuất (nếu có) trong việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn cho đầu tư phát triển ngành điện, cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ (bao gồm: điện mặt trời mái nhà, sinh khối, điện rác, hệ thống điện đồng phát ...), tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch & Đầu tư; Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; ngành Điện. | Khi có yêu cầu | Không |
| 4 | Thực hiện xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp, phát triển hệ thống lưới điện phù hợp quy hoạch và thực tiễn nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn, giảm tổn thất điện năng trong truyền tải và phân phối điện. | Công ty Điện lực Nghệ An | Sở Công Thương; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các sở, ngành có liên quan. | Hàng năm | Không |
| II | Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất việc phát triển các nguồn cung năng lượng sơ cấp theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hoá, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững, đảm bảo các yếu tố về môi trường. Bên cạnh đó, nghiên cứu đề xuất trong việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển nguồn năng lượng tái tạo, ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng sạch (năng lượng gió, mặt trời, sinh khối, điện rác...) trong điều kiện của tỉnh. | | | | |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|-----|--|--------------------------|--|--|---|
| 1 | Nghiên cứu đề xuất (nếu có) và tham gia thực hiện việc góp ý trong việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với tỉnh, ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện trong điều kiện của tỉnh; nghiên cứu, xem xét việc đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn theo chủ trương khuyến khích phát triển tại Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài Chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; các sở, ngành liên quan. | Khi có yêu cầu hoặc đề xuất tham mưu trong quá trình phát triển (nếu có) | Không |
| 2 | Nghiên cứu, triển khai, nắm bắt các thông tin liên quan để ứng dụng, phát triển các nguồn năng lượng khác trong điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính và những yếu tố cần thiết khác. | Sở Khoa học và công nghệ | Sở Công Thương; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan. | Nhiệm vụ thường xuyên | Không |
| III | Nhiệm vụ 3: Thực hiện rà soát các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng đồng bộ với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả. Nghiên cứu đề xuất cơ chế khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội. | | | | |
| 1 | Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030. | Sở Công Thương | Các sở, ngành liên quan; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; UBND các huyện, thành phố, thị xã; Công ty Điện lực Nghệ An. | Hàng năm | Ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|----|---|-----------------------|---|--|------------------------------|
| 2 | Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế khuyến khích đầu tư các dự án công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội (nếu có). Triển khai thực hiện khi có cơ chế khuyến khích đối với các hộ tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và giao thông. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, TM và DL; Sở Công Thương; Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý KKT Đông Nam; các sở, ngành liên quan. | Thực hiện theo nhiệm vụ cụ thể được giao | Ngân sách tỉnh và xã hội hóa |
| 3 | Thực hiện rà soát lại các lĩnh vực tiêu thụ năng lượng trên địa bàn, đề xuất áp dụng giải pháp nâng cao hiệu suất để đảm bảo định mức tiêu hao năng lượng theo quy định; tăng cường việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Theo thực trạng phát triển | Ngân sách tỉnh và xã hội hoá |
| IV | Nhiệm vụ 4: Thực hiện theo chỉ đạo, phối hợp, đề xuất Bộ, ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hóa phát triển năng lượng | | | | |
| 1 | Nghiên cứu, xây dựng, áp dụng các thủ tục đầu tư để tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai phương án phát triển mạng lưới cấp điện thuộc Quy hoạch tỉnh, danh mục các dự án đầu tư, xoá bỏ các rào cản trong công tác thực hiện đầu tư, phát triển các dự án năng lượng. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành liên quan; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Hàng năm | Không |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|----|--|-----------------------------|--|--|--------------------------------|
| 2 | Phối hợp ngành Điện thực hiện các nội dung có liên quan để bảo đảm tiến độ các công trình điện trên địa bàn. | Sở Công Thương | Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã; ngành Điện. | Theo kế hoạch lộ trình dự án | Không |
| | Triển khai cắm mốc quản lý quy hoạch các tuyến đường dây, trạm biến áp từ 110kV trở lên theo quy hoạch được duyệt. | | Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã; ngành Điện | 2021-2025 | Ngân sách tỉnh |
| V | Nhiệm vụ 5: Triển khai phối hợp để thực hiện, đề xuất Bộ, ngành liên quan trong việc đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa. | | | | |
| 1 | Phối hợp các bộ, ngành, Trung ương khi có yêu cầu trong việc xây dựng, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, kết nối với thị trường khu vực, thế giới và hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | Sở Công Thương | Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ngành liên quan; ngành Điện. | Thực hiện khi có yêu cầu phối hợp của các Bộ, ngành. | Đề xuất khi có nhiệm vụ cụ thể |
| 2 | Thực hiện rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích nhóm trong lĩnh vực năng lượng. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Thực hiện khi có yêu cầu phối hợp của các Bộ, ngành. | Đề xuất khi có nhiệm vụ cụ thể |
| 3 | Đề xuất chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo. | Cục thuế Nghệ An | Sở Tài chính; Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các doanh nghiệp năng lượng. | Thực hiện khi có yêu cầu phối hợp của các Bộ, ngành. | Không |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|-----------|--|-----------------------------|---|--|-----------------------------|
| 4 | Nghiên cứu, góp ý khi có yêu cầu về đề xuất sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường. | Sở Công Thương | Các sở, ngành liên quan; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Thực hiện khi có yêu cầu phối hợp của các Bộ, ngành. | Không |
| 5 | Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các phân ngành quy hoạch phát triển năng lượng, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, gắn kết với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và một số ngành khác. Sớm ban hành các quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng theo Luật Quy hoạch. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan; ngành Điện. | 2021 -2022 | Kinh phí lập Quy hoạch tỉnh |
| VI | Nhiệm vụ 6: Thực hiện các giải pháp về bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng để thực hiện có hiệu quả mục tiêu | | | | |
| 1 | Thu thập, xử lý thông tin, đánh giá về dự báo tình hình an ninh năng lượng; nắm tình hình công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển bền vững năng lượng quốc gia liên quan trên địa bàn tỉnh; phối hợp trong việc xây dựng các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh. | Sở Công Thương | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; ngành Điện; UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan. | Nhiệm vụ khi có yêu cầu | Không |
| 2 | Đánh giá nguy cơ ô nhiễm môi trường từ các hoạt động, khai thác, sử dụng năng lượng. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan; Ban Quản lý KKT Đông Nam. | 2022 | Ngân sách tỉnh |
| 3 | Chủ trì thẩm định năng lực đầu tư của các nhà đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nhập khẩu năng lượng để lựa chọn các | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Sở Công Thương; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng | Hàng năm | Không |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|------------|--|--------------------------|--|---------------------------|------------------------------|
| | nhà đầu tư có năng lực tài chính và năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án đảm bảo hài hoà mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. | Đầu tư | tỉnh; Công an tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, TM và DL; Sở Ngoại vụ; Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan. | | |
| 4 | Chủ động nắm chắc tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực năng lượng, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đồng thời tập trung làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý nghiêm các loại tội phạm phát sinh trên lĩnh vực năng lượng. | Công an tỉnh | Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan. | Hàng năm | Ngân sách tỉnh |
| VII | Nhiệm vụ 7: Phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng. | | | | |
| 1 | Khuyến khích liên kết giữa lực lượng nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực năng lượng thông qua các chương trình khoa học và công nghệ; lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng. Khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan; ngành Điện; các doanh nghiệp năng lượng. | Theo đề xuất Kế hoạch năm | Ngân sách tỉnh và xã hội hóa |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|------|--|-----------------------------|--|-----------------------|---|
| 2 | Thực hiện công tác đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ ngành năng lượng theo quy định. | Sở Công Thương | Ngành Điện; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã. | Theo đề xuất Kế hoạch | Ngân sách tỉnh, vốn doanh nghiệp và xã hội hóa |
| VIII | Nhiệm vụ 8: Thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững. | | | | |
| | Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định của pháp luật. Thông tin, tuyên truyền kịp thời và đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng. Chiến lược phát triển ngành năng lượng gắn liền thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường: Hướng tới giảm các nguyên liệu hóa thạch nhằm giảm thiểu các tác nhân gây ra biến đổi khí hậu mà không gây tổn hại đến sự phát triển chung hướng tới phát triển bền vững; trong quá trình phát triển ngành năng lượng cần bám sát các chỉ tiêu Việt Nam đã cam kết tại Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, đồng thời kêu gọi đầu tư và ưu tiên đối với các nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Công Thương; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các doanh nghiệp trong hoạt động năng lượng. | Hàng năm | Ngân sách tỉnh và huy động nguồn vốn các tổ chức tài trợ; xã hội hóa. |

| TT | Nội dung, nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện | Nguồn kinh phí |
|----|--|--|---|---------------------|-----------------------|
| IX | <p>Nhiệm vụ 9: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển ngành năng lượng</p> <p>Cấp ủy đảng các cấp tổ chức quán triệt nghiêm túc, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đầy đủ nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW để tạo sự đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của năng lượng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh.</p> | | | | |
| | <p>Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành năng lượng và phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng. Các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở cần xác định phát triển năng lượng quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Xây dựng cơ chế và khung pháp lý bảo đảm cho việc tuân thủ quy hoạch phát triển năng lượng. Xử lý nghiêm đối với các dự án đầu tư chậm triển khai, làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia.</p> | <p>Sở Công Thương; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã</p> | <p>Mặt trận tổ quốc; các tổ chức chính trị xã hội; ngành Điện</p> | <p>Hàng năm</p> | <p>Ngân sách tỉnh</p> |

